

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH Đ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HSST

Ngày 25 - 01 - 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuần; Ông Lê Minh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, Tòa án nhân dân huyện Q đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 145/2016/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2016 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/HSST-QĐXX ngày 09 tháng 01 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2017/HSST-QĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **LÂM VINH Q** (*Tên gọi khác: Minh Q, Q Ngọng, Bình*) – sinh năm 1982 tại B; nơi cư trú: ấp 2 Đông, xã B, huyện X, tỉnh B; nghề nghiệp: thợ hớt tóc; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn D (tên gọi khác: Thí) – sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Ánh M – sinh năm 1956; có vợ Nguyễn Thị Tường V – sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không.

Về nhân thân (đã được xóa án tích):

- Ngày 24/9/2002, bị Tòa án huyện X, tỉnh B xử phạt 02 tù giam về tội trộm cắp tài sản.

- Ngày 12/01/2007, bị Tòa án nhân dân Quận A, thành phố H xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 22/3/2007 tại Bản án số 245/2007/HSST, Tòa án nhân dân Thành phố H xử phạt Lâm Quang V 02 năm tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình

phạt của 02 Bản án, tuyên xử Lâm Quang V 03 năm 03 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/12/2008 và các nghĩa vụ khác trong bản án.

Bị bắt, tạm giam ngày 14/8/2014 đến nay “có mặt”

2/ Họ và tên: **PHÙNG VĂN H** (*Tên gọi khác: H Mát, Ba Trăm*) – sinh năm 1987 tại Tây Ninh; nơi cư trú: tổ 4, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh T; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn C – sinh năm 1958 và bà Đặng Thị L – sinh năm 1956; tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 30/9/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L xử phạt 36 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù 27/5/2012;

Bị bắt, tạm giam ngày 04/8/2014 đến nay “có mặt”.

3/ Họ và tên: **TRẦN MINH T** – sinh năm 1987 tại tỉnh Đ; nơi cư trú: ấp 1 (nay là ấp Xóm Trầu), xã L, huyện L, tỉnh Đ; nghề nghiệp: thợ xăm hình; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Huyền S – sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1964; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không;

Về nhân thân: Ngày 08/7/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 1 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 23/7/2015.

Bắt, tạm giam ngày 23/7/2015 đến ngày 27/10/2017 được tại ngoại đến nay “có mặt”.

- *Các bị hại:*

1/ Anh NGUYỄN VĂN T – sinh năm 1990

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp S, xã T, huyện T, tỉnh B “vắng mặt”.

2/ Anh HUỖNH QUANG T – sinh năm 1981

Nơi cư trú: Tổ 19, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh B “vắng mặt”.

3/ Chị ĐINH THỊ T – sinh năm 1983

Nơi cư trú: 52/4 KDC 4, ấp Đ, xã T, huyện Q, tỉnh Đ “có mặt”.

4/ Chị LÊ THỊ HUYỀN T – sinh năm 1978

Nơi cư trú: Số 1304, Tổ 2, KP 114, TT Q, huyện Q, tỉnh Đ “vắng mặt”.

5/ Anh PHẠM HOÀI S – sinh năm 1973

Nơi cư trú: 1244/E Khu 1, ấp P, xã P, huyện Q, tỉnh Đ “có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị TRẦN THỊ NGỌC L – sinh năm 1984,

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đ “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn B (sinh năm 1973, địa chỉ ấp 1, xã L Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đ), Dương Văn L (sinh năm 1965, trú tại 244 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường P, thành phố B, tỉnh B), Trần Minh T, Lâm Vinh Q, Phùng Văn H là bạn bè quen biết nhau từ trước.

Vào khoảng 11 giờ ngày 23/3/2014 Nguyễn Văn B rủ Trần Minh T, Lâm Vinh Q, Phùng Văn H, Dương Văn L dự đám cưới tại ấp Đ, xã T, huyện Q, tỉnh Đ. Khoảng 12 giờ cùng ngày, sau khi dự xong đám cưới, cả nhóm ngồi uống cà phê tại quán nước (không có tên) tại ấp Đ, xã T (gần đám cưới). Lúc này B rủ cả nhóm đi trộm cắp xe máy để bán lấy tiền tiêu xài được cả nhóm đồng ý.

Trần Minh T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 60V9-3955 (xe của B cho mượn) chở Q theo Quốc lộ 20, đến trước khu tập thể giáo viên tại ấp Đồn Điền 1, xã Túc Trung thì thấy có 01 xe mô tô Honda hiệu Visson biển số 60B4-13599 của chị Lê Thị Huyền T đang dựng trước cửa phòng. T dừng xe đứng ngoài cạnh giới, Q đi bộ vào dùng đoạn sắt mở khóa xe dắt ra ngoài và chạy xe về quán cà phê giao cho B cất dấu rồi tiếp tục đi trộm cắp xe.

T chở Q tiếp tục đi vào khu vực ấp Đồn Điền 2, xã Túc Trung phát hiện 01 xe mô tô Honda hiệu Wave biển số 60P7-26537 của chị Đinh Thị T đang dựng trước cửa nhà. T chở Q đến gần để Q dùng đoạn sắt mở khóa, sau đó đem xe về quán cà phê giao cho B cất dấu,

T tiếp tục chở Q theo Quốc lộ 20 hướng xã Phú Cường, huyện Q và rẽ vào đường dong ấp Thái Hòa. Đến nhà ông Hồ Trung D thuộc ấp Thái Hòa 1, xã Phú Túc, huyện Q, thấy nhà ông D không đóng cửa, T đứng ở ngoài cạnh chừng để cho Q đi vào nhà ông D trộm cắp 01 xe mô tô Yamaha nhãn hiệu Sirius biển số 72E-21275 của anh Huỳnh Q Tuấn (xe anh Tuấn gửi trong nhà ông D). Sau đó, Q điều khiển xe mô tô trên về quán cà phê giao cho B cất dấu.

Đến khoảng 14 giờ 50 phút cùng ngày, T và Q tiếp tục quay lại nhà ông D; T đứng ngoài cạnh giới để Q vào nhà ông D trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Yamaha nhãn hiệu Sirius, biển số 72S2-2644 của anh Nguyễn Văn T (xe anh T gửi trong nhà ông D). Khi Q đang dắt xe ra khỏi nhà thì bị anh T phát hiện và tri hô mọi người xung quanh bắt quả tang Trần Minh T cùng xe mô tô 60V9-3955. Q điều khiển xe mô tô Sirius Yamaha biển số 72E-212.75 của anh Tuấn chạy thoát.

Cùng thời điểm trên, Dương Văn L chở Phùng Văn H xuất phát từ quán cà phê đi theo quốc lộ 20 hướng về xã Phú Cường, khi đi vào khu chợ P, L phát hiện xe mô tô Honda hiệu Airblade biển số 60B4-31202 của anh

Phạm Hoài S đang đứng trước cửa nhà. L dừng xe ở ngoài canh chừng để H vào dắt xe ra, sau đó chạy về quán cà phê giao cho B, trên đường đi thì L và H nghe tin T bị bắt nên sau khi giao xe cho B cất dấu, cả 02 đã bỏ về nhà.

Toàn bộ số xe trộm cắp được B đứng ra tiêu thụ và T báo cho cả nhóm số tiền bán xe được để lo thăm nuôi cho T.

Sau khi bị bắt, T chỉ thừa nhận cùng đối tượng “Bình” trộm xe máy của anh T và anh Tuấn.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản ngày 17/4/2014 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của huyện Q kết luận:

- 01 xe máy Sirius Yamaha, biển số: 72E-21275 trị giá 17.730.000 đồng

- 01 xe máy Sirius Yamaha, biển số: 72S2-2644 trị giá 11.650.000 đồng.

Tại bản án số 73/2014/HSST ngày 08/7/2014, Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt T 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Sau đó, B, H, Q, L tiếp tục đi trộm cắp xe mô tô ở các địa phương khác và lần lượt bị bắt. Nguyễn Văn B bị Công an thành phố Huế bắt, Phùng Văn H bị Công an tỉnh Bạc Liêu bắt, Dương Văn L và Lâm Vinh Q bị Công an thành phố V bắt. Quá trình điều tra, Q, H đã khai ra hành vi đồng phạm của T.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản ngày 05/11/2015 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của huyện Q kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Wave biển số 60P7-26537 trị giá 18.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Visson trị giá 24.000.000 đồng.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản ngày 08/11/2015 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của huyện Q kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda hiệu Airblade biển số 60B4-31202 trị giá 27.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản thiệt hại của 05 chiếc xe mô tô là 98.380.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 13 tháng 5 năm 2016 Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố các bị cáo Phùng Văn H, Trần Minh T và Lâm Vinh Q về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại Quyết định số 12/2016/HSST-QĐ ngày 07/7/2016, Tòa án nhân dân huyện Q đã trả hồ sơ điều tra bổ sung về các vấn đề sau:

a) Về nhân thân của Phùng Quang H:

Tại bản án số 43/2005/HSST ngày 03/10/2005 Tòa án nhân dân huyện B, T xác định từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2005 Phùng Quang H chiếm đoạt 06 xe đạp trị giá 1.270.000 đ.

Theo giấy xác nhận kết quả thi hành án số 32/GXN-THA ngày 11/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B thì Phùng Văn H đã nộp xong phần án phí vào ngày 28/11/2005.

Tại bản án số 06/2007/HSST ngày 14/02/2007 của Tòa án nhân dân huyện B, T xác định ngày 15 và 16 tháng 7 năm 2006 bị cáo chiếm đoạt chiếc xe đạp trị giá 500.000 đ. Tại bản án số 55/2009/HSST ngày 30/9/2009 Tòa án nhân dân huyện Đ, L xác định tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 15.675.000 đ.

Theo giấy xác nhận kết quả thi hành án số 33/GXN-THA ngày 11/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B thì Phùng Văn H đã nộp xong phần án phí của bản án số hình sự sơ thẩm số 06/2007/HSST.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 33/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc Hội về việc thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự 2009 thì trường hợp do bị cáo chiếm đoạt tài sản dưới 2.000.000 đ đương nhiên được xóa án tích. Vì vậy Viện kiểm sát xác định bị can H có 03 tiền án là chưa chính xác (BL 100-117)

b) Về họ tên của Lâm Vinh Q:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 36/HSST ngày 24/9/2002 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh B xác định là Lâm Minh Q. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2007/HSST ngày 12/01/2007, Tòa án nhân dân Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh xác định là Lâm Vinh Q.

Tuy nhiên trong hồ sơ chưa có tài liệu xác định Lâm Minh Q và Lâm Vinh Q có PH là 01 người hay không?.

d) Các bị can Phùng Văn H, Trần Minh T, Lâm Vinh Q đều khai nhận có quen biết Nguyễn Văn B, Dương Văn L. B là người rủ các bị can và Dương Văn L đi đám cưới nhà ông Nguyễn Duy Khánh và trộm cắp xe mô tô nên có đủ căn cứ xác định B và L là đồng phạm trong vụ án này. Vì vậy đề nghị khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn B và Dương Văn L.

e) Về tang vật của vụ án: Chưa điều tra, làm rõ 02 xe mà B mượn để giao cho các bị can làm phương tiện đi trộm cắp là của ai. Sau khi sử dụng 2 chiếc xe này thì các bị can T và Q có trả xe hay không hay cất giấu ở đâu để có cơ sở xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 96/CV-VKS-HS ngày 10/10/2016, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã chấp nhận yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án; riêng yêu cầu tại điểm d của Quyết định, Viện kiểm sát không chấp nhận mà cho rằng chưa đủ cơ sở khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn B, Dương Văn L với vai trò đồng phạm.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Kiểm sát viên sửa một phần cáo trạng về nhân thân cho bị cáo H theo hướng chỉ còn một tiền án. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Lâm Vinh Q từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; bị cáo Phùng Văn H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; bị cáo Trần Minh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Chị Đinh Thị T yêu cầu xử lý nghiêm trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Phùng Văn H, Lâm Vinh Q, Trần Minh T và yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường cho chị giá trị xe mô tô Honda Wave biển số 60P7-26537 với số tiền 18.000.000đ.

- Anh Phạm Hoài S yêu cầu xử theo quy định pháp luật về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Phùng Văn H, Lâm Vinh Q, Trần Minh T và yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường cho anh giá trị xe mô tô Honda Airblade biển số 60B4-31202 với số tiền 27.000.000đ.

- Các bị cáo Phùng Văn H, Lâm Vinh Q, Trần Minh T thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau cho các bị hại như sau: Bồi thường cho chị Lê Thị Huyền T số tiền 24.000.000đ; bồi thường cho chị Đinh Thị T số tiền 18.000.000đ; bồi thường cho anh Phạm Hoài S số tiền 27.000.000đ.

- Bị cáo Trần Minh T khai: đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn T, Huỳnh Q Tuấn. Chị ruột là Trần Thị Ngọc L- đại diện gia đình của bị cáo, đã bồi thường thiệt hại xong theo yêu cầu của anh T, anh Tuấn. Bị cáo không yêu cầu bị cáo H, Q pH hoàn lại giá trị tài sản mà gia đình mình đã T toán thay.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phùng Văn H, Lâm Vinh Q, Trần Minh T và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với hành vi của Dương Văn L và Nguyễn Văn B: các bị cáo H, T, Q đều khai quen biết B, L. B là người rủ các bị cáo trộm cắp tài sản và tiêu thụ xe trộm cắp, L là người chở H trộm cắp xe mô tô của anh Phạm Hoài S; nên có dấu hiệu xác định B và L là đồng phạm trong vụ án này. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q không thu thập đầy đủ chứng cứ để khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn B, Dương Văn L với vai trò đồng phạm trong vụ án này là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

[2] Căn cứ để kết tội đối với các bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phùng Văn H, Trần Minh T và Lâm Vinh Q đã khai nhận tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với hành vi phạm tội mà Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố nên Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 12 giờ ngày 23/3/2014, tại các xã Phú Túc, Túc Trung, Phú Cường của huyện Q, tỉnh Đ; Trần Minh T, Lâm Vinh Q, Phùng Văn H đã cấu kết cùng các đối tượng Dương Văn L, Nguyễn Văn B trộm cắp tài sản là xe mô tô hiệu honda Visson biển số 60B4-13599 của chị Lê Thị Huyền T, xe mô tô hiệu Wave, biển số 60P7-26537 của chị Đinh Thị T, xe mô tô 01 nhãn hiệu Sirius, biển số 72E-21275 của anh Huỳnh Q Tuấn, xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 72S2-2644 của anh Nguyễn Văn T, xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển số 60B4-31202 của anh Phạm Hoài S. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 98.380.000 đồng do đó, hành vi của các bị cáo Phùng Văn H, Trần Minh T, Lâm Vinh Q đã cấu thành “Tội trộm cắp tài sản”; Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Phùng Văn H, Trần Minh T và Lâm Vinh Q là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn T, anh Huỳnh Q Tuấn, chị Đinh Thị T, chị Lê Thị Huyền T, anh Phạm Hoài S; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó Tòa án cần áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tương xứng với tính chất mức độ, hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành nên pH chịu trách nhiệm chung về hậu quả đã gây ra. Bị cáo T và Q trực tiếp chiếm đoạt 04 xe mô tô với giá trị tài sản 71.380.000.000 đồng là cao hơn tài sản do bị cáo H chiếm đoạt (27.000.000đ) nên mức hình phạt pH cao hơn bị cáo H.

Tuy nhiên, tại bản án số 73/2014/HSST ngày 08/7/2014, Tòa án nhân dân huyện Q đã xử phạt bị cáo Trần Minh T 01 năm 06 tháng tù về hành vi

trộm cắp tài sản đối với xe mô tô biển số 72E1-212.75 (của anh T), xe mô tô 72S2-2644 (của anh Tuấn) và bị cáo T đã chấp hành xong bản án. Do đó, trong vụ án này, Trần Minh T chỉ chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự đối với 03 chiếc xe mô tô còn lại với tổng trị giá tài sản là 69.000.000 đồng. Mức hình phạt của bị cáo T sẽ được Hội đồng cân nhắc để đảm bảo tính công bằng so với hình phạt của bị cáo Q.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Phùng Văn H, Lâm Vinh Q, Trần Minh T thì thấy rằng:

Bị cáo Lâm Vinh Q là người có nhân thân xấu vì đã từng bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng sau khi được cải tạo, bị cáo không nỗ lực phục thiện mà lại cùng các bị cáo khác trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 98.380.000đ. Lần phạm tội này của bị cáo Q cần pH được xử lý nghiêm để trừng trị bị cáo.

Bị cáo Phùng Văn H là người đang có tiền án nhưng không tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục lao sâu vào con đường phạm tội. Lần phạm tội này của bị cáo H thuộc trường hợp “tái phạm” nên pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Minh T dù chưa có tiền án tiền sự nhưng đã cùng các bị cáo khác trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 69.000.000đ nên pH chịu mức hình phạt tương ứng với tính chất mức độ hành vi và hậu quả bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường xong thiệt hại cho anh T, anh Tuấn và được anh T, anh Tuấn xin giảm nhẹ hình phạt nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[5] Về vấn đề tổng hợp hình phạt: Bị cáo Phùng Q H, Lâm Vinh Q là người đang chấp hành hình phạt của nhiều bản án.

Tại Quyết định số 05/2017/QĐ.THHP ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đã buộc bị cáo Phùng Văn H pH chấp hành hình phạt chung cho các bản án là 30 năm tù cùng tội danh “trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2014.

Tại Quyết định số 06/2017/QĐ.THHP ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đã buộc bị cáo Lâm Vinh Q phải chấp hành hình phạt chung cho các bản án là 30 năm tù cùng tội danh “trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2014.

Do hình phạt tổng hợp của các bị cáo Q, H đều là 30 năm tù nên thẩm quyền tổng hợp hình phạt của bản án này đối với các bị cáo Q, H sẽ thuộc Tòa án cấp cao hơn.

[6] Về biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự cho anh Nguyễn Văn T, anh Huỳnh Q Tuấn và vật chứng là xe mô tô 60V9-3955 đã được giải quyết bằng Bản án số 73/2014/HSST ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện Q nên không xét lại.

Số tiền chị Trần Thị Ngọc L đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn T, anh Huỳnh Q Tuấn (thay cho bị cáo Trần Minh T). Do chị không yêu cầu bị cáo T và các bị cáo khác hoàn lại nên không đặt ra xem xét.

- Đối với xe mô tô Honda Visson biển số 60B4-13599 của chị Lê Thị Huyền T, xe mô tô Honda Wave biển số 60P7-26537 của chị Đinh Thị T và xe mô tô Honda Airblade biển số 60B4-31202 của anh Phạm Hoài S không thu hồi được. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đồng ý liên đới theo phần bằng nhau để bồi thường cho chị T, chị T, anh S theo giá trị tài sản đã được định giá.

Xét thấy thỏa thuận của các bị cáo phù hợp thiệt hại thực tế và phù hợp quy định tại Điều 616 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên được ghi nhận. Theo đó các bị cáo pH liên đới theo phần bằng nhau, bồi thường cho chị T, chị T, anh S như sau:

+ Chị Lê Thị Huyền T yêu cầu bồi thường số tiền 24.000.000 đ nên mỗi bị cáo H, T, Q pH bồi thường số tiền $24.000.000đ : 3 = 8.000.000đ$.

+ Chị Đinh Thị T yêu cầu bồi thường số tiền 18.000.000đ nên mỗi bị cáo H, T, Q pH bồi thường số tiền $18.000.000đ : 3 = 6.000.000đ$

+ Anh Phạm Hoài S yêu cầu bồi thường số tiền 27.000.000đ nên mỗi bị cáo H, T, Q phải bồi thường số tiền $27.000.000đ : 3 = 9.000.000đ$

Đối với xe mô tô Nguyễn Văn B giao cho bị cáo Phùng Văn H và đối tượng Dương Văn L làm phương tiện trộm cắp tài sản của anh S và các đoạn sắt dùng để bẻ khóa hiện chưa thu hồi được. Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Các bị cáo pH chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Phùng Văn H áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Lâm Vinh Q, Phùng Văn H, Trần Minh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lâm Vinh Q 04 (bốn) năm tù.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn H 03 (ba) năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù của các bị cáo Q, H được tính từ ngày chấp hành án (theo quyết định tổng hợp thi hành án).

Xử phạt bị cáo Trần Minh T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng 04 (bốn) ngày được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 23/7/2015 đến ngày 27/10/2017. Ghi nhận bị cáo Trần Minh T đã chấp hành xong hình phạt.

Kiến nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xem xét theo thẩm quyền về dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với các đối tượng:

1/ Nguyễn Văn B - sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp 1, xã L Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đ.

2/ Dương Văn L - sinh năm 1965. Địa chỉ: số 244 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Căn cứ vào Điều 604, 605, 606, 608, 616 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Buộc bị cáo H, T, Q pH liên đới bồi thường cho chị Lê Thị Huyền T số tiền 24.000.000đ. Mỗi bị cáo pH bồi thường 8.000.000đ

- Buộc bị cáo H, T, Q pH liên đới bồi thường cho chị Đinh Thị T số tiền 18.000.000đ. Mỗi bị cáo pH bồi thường 6.000.000đ

- Buộc bị cáo H, T, Q pH liên đới bồi thường cho anh Phạm Hoài S số tiền 27.000.000đ. Mỗi bị cáo pH bồi thường 9.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Lê Thị Huyền T, chị Đinh Thị T, anh Phạm Hoài S cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, các bị cáo còn pH chịu tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm T toán.

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo Phùng Văn H, Lâm Vinh Q, Trần Minh T pH chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.150.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Các bị cáo Phùng Văn H, Lâm Vinh Q, Trần Minh T; chị Đinh Thị T, anh Phạm Hoài S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị Huyền T, chị Trần Thị Ngọc Liễu, anh Huỳnh Q Tuấn, anh Nguyễn Q T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

TAND tỉnh Đ.

VKSND huyện Q.

Công an huyện Q.

Chi cục THA huyện Q.

Bị cáo, người bị hại, người liên quan.

Lưu hồ sơ, VP.

Lê Xuân Hòa